

Số: 1041/KT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chí
giao nhiệm vụ và kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Luật KH&CN; Nghị định số 81/2002/NĐ-CP, ngày 17/10/2002 của Chính phủ "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật KH&CN";

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, ngày 06/6/2003 của Chính phủ "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước";

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về tiêu chí giao nhiệm vụ và kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ trưởng các Vụ có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, Hiệu trưởng các trường đại học và cao đẳng, Giám đốc các học viện, Viện trưởng các viện nghiên cứu và Giám đốc các trung tâm nghiên cứu trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thi hành quyết định này.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- PTT, Bộ trưởng (để b/c);
- Lãnh đạo Bộ;
- Bộ KH&CN (để phối hợp);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để phối hợp);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT, KHCN.



QUY ĐỊNH

Về tiêu chí giao nhiệm vụ và kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1041/QĐ-BGDĐT,
ngày 13 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tiêu chí giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN); tiến độ xây dựng kế hoạch, phân giao nhiệm vụ và kinh phí sự nghiệp KH&CN đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ giao cho các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tuyển chọn, xét chọn.
2. Nguồn vốn sự nghiệp KH&CN nêu trong văn bản này là nguồn vốn sự nghiệp KH&CN hàng năm do Nhà nước giao trực tiếp cho Bộ GD&ĐT.
3. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT, bao gồm: các đại học, các trường đại học và cao đẳng, các học viện, các viện nghiên cứu và các trung tâm nghiên cứu trực thuộc Bộ GD&ĐT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức KH&CN bao gồm: các đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng; tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ; tổ chức dịch vụ khoa học công nghệ.
2. Nhiệm vụ KH&CN là những vấn đề KH&CN cần được giải quyết, được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án, chương trình KH&CN và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác.
3. Định suất kinh phí nghiên cứu được hiểu là số kinh phí sự nghiệp KH&CN tính bình quân theo từng năm giao cho một giảng viên hoặc một nghiên cứu viên để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Điều 3. Các nhiệm vụ KH&CN giao cho các đại học, các trường đại học và cao đẳng, các học viện, các viện nghiên cứu khoa học và các trung tâm nghiên

cứ khoa học trực thuộc Bộ GD&ĐT tuyển chọn hoặc xét chọn bao gồm các nhiệm vụ sau: Đề tài cấp Bộ; đề tài cấp cơ sở; nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên; thông tin KH&CN; hợp tác quốc tế về KH&CN; tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; sở hữu trí tuệ; an toàn và bảo hộ lao động...

CHƯƠNG II

TIÊU CHÍ GIAO NHIỆM VỤ VÀ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KH&CN

Điều 4. Số kinh phí giao cho từng tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ KH&CN nêu ở điều 3 của Quy định này căn cứ vào đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu (số giảng viên, nghiên cứu viên; số thạc sĩ, tiến sĩ, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học, giáo sư) được tính theo định suất kinh phí nghiên cứu (ĐSKPNC), như sau:

1. Mỗi giảng viên, nghiên cứu viên được tính 1 ĐSKPNC.
2. Mỗi thạc sĩ được tính 1,5 ĐSKPNC.
3. Mỗi tiến sĩ được tính 3 ĐSKPNC.
4. Mỗi phó giáo sư được tính 5 ĐSKPNC.
5. Mỗi giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được tính 8 ĐSKPNC.

Điều 5. Định suất kinh phí nghiên cứu giao theo số nghiên cứu sinh đang được đào tạo (đối với cơ sở giáo dục đại học được giao nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh).

Mỗi nghiên cứu sinh được tính 1 ĐSKPNC.

Điều 6. Định suất kinh phí nghiên cứu giao cho trường đại học trọng điểm.

Mỗi trường đại học trọng điểm được tính thêm 5% tổng định suất kinh phí nghiên cứu tính theo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên hiện có.

Điều 7. Định suất kinh phí nghiên cứu giao theo kết quả và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của 3 năm trước được đánh giá theo 5 tiêu chuẩn với thang điểm 100, như sau:

1. Tổ chức KH&CN xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo của Ngành; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ phát triển của tổ chức KH&CN (10 điểm).

a. Báo cáo hoạt động KH&CN của năm thực hiện và xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cho năm sau theo đúng các quy định của Nhà nước và của Bộ GD&ĐT (5 điểm).

b. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được giao theo đúng kế hoạch và đạt kết quả tối (5 điểm).

2. Thực hiện đề xuất các nhiệm vụ cấp nhà nước và có kết quả tham gia tuyển chọn chủ trì các nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước (15 điểm).

a. Thực hiện tốt việc đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước và theo đúng thời hạn của Bộ KH&CN (5 điểm).

b. Kết quả tham gia tuyển chọn chủ trì các nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước (10 điểm).

Mỗi đề tài, dự án KH&CN hoặc đề tài KHXH&NV được tính 01 điểm; mỗi nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản tính 0,2 điểm. Tổng số điểm tính theo đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản không vượt quá 10 điểm.

3. Hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thể hiện bằng số bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và nước ngoài (15 điểm).

a. Mỗi bài báo khoa học công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên các tạp chí ở trong nước (Theo danh mục các tạp chí do Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước định danh) được tính 0,2 điểm; nếu bài báo đó đã được người khác trích dẫn từ 5 lần trở lên được tính 0,5 điểm. Tổng số điểm tính theo số bài báo công bố trên các tạp chí ở trong nước không vượt quá 5 điểm.

b. Mỗi bài báo khoa học công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên các tạp chí uy tín ở nước ngoài (Theo danh mục các tạp chí do Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước định danh) được tính 0,5 điểm; nếu bài báo đó đã được người khác trích dẫn từ 3 lần trở lên được tính 1 điểm. Tổng số điểm tính theo số bài báo công bố trên các tạp chí ở nước ngoài không vượt quá 10 điểm.

4. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức KH&CN gắn với đào tạo, hợp tác nghiên cứu với các viện nghiên cứu, các trường đại học ở trong nước và ngoài nước và với các cơ sở sản xuất, kinh doanh (25 điểm).

a. Hoạt động KH&CN của tổ chức KH&CN gắn với đào tạo cao học và nghiên cứu sinh 5 điểm.

b. Mỗi chương trình nghiên cứu hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học khác ở trong nước được tính 01 điểm. Tổng số điểm tính theo các chương trình hợp tác ở trong nước không quá 5 điểm.

c. Mỗi chương trình nghiên cứu hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học ở nước ngoài tính 2 điểm. Tổng số điểm tính theo chương trình hợp tác nghiên cứu với nước ngoài không vượt quá 15 điểm.

5. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức KH&CN có đóng góp mới cho khoa học; có giá trị ứng dụng thực tế phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước và đóng góp vào nguồn lực của tổ chức KH&CN (35 điểm).

a. Hoạt động KH&CN của tổ chức KH&CN đóng góp mới cho khoa học góp phần xác lập các căn cứ khoa học, cơ sở lý luận cho việc đề ra các chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ; góp phần tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (10 điểm).

b. Có các hợp đồng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh; với các địa phương, doanh nghiệp, các tổng công ty - đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục - đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội (20 điểm).

c. Hoạt động KH&CN có đóng góp cụ thể vào nguồn lực của tổ chức KH&CN (5 điểm).

Số ĐSKPNC giao theo kết quả và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của 3 năm trước của từng tổ chức KH&CN căn cứ vào việc đánh giá theo các tiêu chuẩn và thang điểm nêu trên, sẽ được tính thêm như sau:

- Tổ chức KH&CN có số điểm từ 80 điểm đến 100 điểm, được tính thêm 10% tổng ĐSKPNC tính theo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.
- Tổ chức KH&CN có số điểm từ 60 điểm đến dưới 80 điểm, được tính thêm 5% tổng ĐSKPNC tính theo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.
- Tổ chức KH&CN có số điểm từ 50 điểm đến dưới 60 điểm, giữ nguyên số ĐSKPNC.
- Tổ chức KH&CN có số điểm từ 40 điểm đến dưới 50 điểm, bị trừ 5% tổng ĐSKPNC tính theo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.
- Tổ chức KH&CN có số điểm dưới 40 điểm, bị trừ 10% tổng ĐSKPNC tính theo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.

Các tổ chức KH&CN căn cứ vào các tiêu chuẩn và thang điểm nói trên, tự đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ 3 năm trước của tổ chức mình và lập thành báo cáo gửi về Vụ Khoa học - Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo thời điểm tháng 10 hàng năm.

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ kiểm tra và trong trường hợp cần thiết sẽ thẩm định lại các báo cáo tự đánh giá để tính số định suất kinh phí nghiên cứu theo hiệu quả hoạt động KH&CN của từng tổ chức KH&CN và đưa vào kế hoạch thực hiện.

Điều 8. Không phân giao kinh phí sự nghiệp KH&CN năm sau đối với các tổ chức KH&CN đến thời điểm báo cáo, không có báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của năm đang thực hiện và không có báo cáo kế hoạch nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho năm sau.

CHƯƠNG III
TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, PHÂN GIAO
NHIỆM VỤ VÀ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ.

Điều 9. Quy trình và tiến độ xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN.

1. Từ tháng 5 đến trước 30 tháng 6 hàng năm, các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT đánh giá tình hình hoạt động và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được giao 6 tháng đầu năm, ước thực hiện 6 tháng cuối năm của năm đang thực hiện và xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cho năm sau.

2. Từ tháng 10 năm trước đến 31 tháng 5 hàng năm, Bộ GD&ĐT trực tiếp tổ chức tuyển chọn hoặc xét chọn các nhiệm vụ KH&CN trong điểm cấp Bộ cho năm sau, bao gồm: Các nhiệm vụ được Bộ GD&ĐT giao trực tiếp; các chương trình KH&CN cấp Bộ; đề tài KH&CN trọng điểm cấp Bộ; dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ; các nhiệm vụ tạo công nghệ và các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ khác để đưa vào kế hoạch thực hiện.

3. Từ tháng 10 năm trước đến 31 tháng 5 hàng năm, Bộ GD&ĐT xác định, tổ chức thẩm định hồ sơ thuyết minh các dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, các dự án sửa chữa xây dựng nhỏ; tổ chức thẩm định và phê duyệt kinh phí thực hiện để đưa vào kế hoạch thực hiện cho năm sau.

4. Từ tháng 10 năm trước đến 31 tháng 5 hàng năm, các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT tổ chức xác định, tuyển chọn và xét chọn các nhiệm vụ KH&CN được Bộ giao để đưa vào kế hoạch thực hiện cho năm sau.

5. Từ tháng 6 đến ngày 05 tháng 7 hàng năm, Bộ GD&ĐT tổng hợp báo cáo hoạt động KH&CN của năm đang thực hiện (đánh giá tình hình hoạt động và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được giao 6 tháng đầu năm, ước thực hiện 6 tháng cuối năm của năm đang thực hiện), xây dựng kế hoạch phát triển KH&CN và lập dự toán chi ngân sách sự nghiệp KH&CN cho năm sau theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng của Nhà nước và gửi cho Bộ KH&CN, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Chính phủ.

Điều 10. Tiến độ phân bổ chi ngân sách sự nghiệp KH&CN.

1. Tháng 11 hàng năm, sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm sau cho các Bộ, Ngành, Địa phương và sau khi Bộ Tài chính và Bộ KH&CN có hướng dẫn chi tiết các nội dung kế hoạch KH&CN, Bộ GD&ĐT sẽ hướng dẫn và giao dự toán chi kinh phí sự nghiệp KH&CN đối với từng tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ.

2. Các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT điều chỉnh kế hoạch KH&CN đồng thời lập dự toán chi ngân sách đối với từng nhiệm vụ KH&CN được giao.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Vụ Khoa học - Công nghệ chủ trì và phối hợp với Vụ Kế hoạch Tài chính trình Bộ trưởng phê duyệt việc giao nhiệm vụ và chỉ ngân sách sự nghiệp KH&CN hàng năm cho các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT.

Điều 12. Vụ Khoa học - Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT triển khai thực hiện các nội dung hoạt động KH&CN theo kế hoạch hàng năm. Đồng thời có kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ và tổ chức đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN của từng tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT.

Điều 13. Hàng năm, Vụ Khoa học - Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động KH&CN của năm đang thực hiện, xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cho năm sau của các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT và phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Đại học và Sau đại học trình lãnh đạo Bộ ký để gửi cho Bộ KH&CN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

Điều 14. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT thực hiện việc giao dự toán, quản lý và chi tiêu kinh phí sự nghiệp KH&CN cho các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ KH&CN và theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời phối hợp với Vụ Khoa học - Công nghệ có kế hoạch kiểm tra, đơn đốc và hướng dẫn các tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ GD&ĐT thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp KH&CN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

